TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R' LẤP** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST Ngày 10 tháng 01 năm 2022 *"V/v Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; chia tài sản chung sau khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Xuân Thùy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2020/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc *"Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; chia tài sản chung sau ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX–ST ngày 09 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/14/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 16/2021/TB – TA ngày 05 tháng 01 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị N, sinh năm 1985 - *có mặt.*

Nơi ĐKHKTT*:* Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trú tại: Tổ 19, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1988 – *vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T: Chức vụ Tổng Giám đốc.-

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn N; chức vụ: Giám đốc - Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Kiến Đ, huyện Đ *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị N trình bày:

Bà Chu Thị N và ông Phan Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Năm 2020, bà Chu Thị N khởi kiện ly hôn ông Phan Văn T, được Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết tại Quyết định thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 48/2020/QĐ-TTLH ngày 19/5/2020, nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị N và ông Phan Văn T thuận tình ly hôn; về con chung giao 02 con chung Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006 và Phan Văn T, sinh ngày 28/9/2013 cho ông Phan Văn T nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Sau khi được giao nuôi dưỡng, chăm sóc các con theo Quyết định nói trên, ông T không quan tâm, chăm sóc con chu đáo, đã đuổi con ra khỏi nhà nên cháu Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006, đã nghỉ học. Bà Chu Thị N cho rằng việc giao con cho ông T không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, nên đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà *(N)* nuôi dưỡng, chăm sóc con Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006 đến tuổi trưởng thành, *(đủ 18 tuổi)*, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống bà N và ông T tạo lập được: 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, máy lợp tôn diện tích 42,3m^2 nhà và 01 giếng nước đào sâu 10m, nhà và giếng làm năm 2009, nằm trên diện tích đất 173m^2 đã có Giấy CNQSDĐ số CO983430, thửa số 325 tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ, do UBND huyện Đăk R'Lấp cấp ngày 21/01/2019 và 01 xe Ba gác tự chế không có Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy có gắn BKS 60Y2 -245. Nay bà N yêu cầu Tòa án phân chia tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Tháng 01/2020, bà N và ông T vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Đ số tiền 50.000.000đồng để mua xe Ba gác tự chế và sinh hoạt gia đình, nay bà *(N)* yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người phải trả ½ số tiền nợ trên theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Năm 2020, bà Chu Thị N và ông Phan Văn T ly hôn, tại Quyết định thuận tình ly hôn số: 48/2020/QĐ-TTLH, ngày 19/5/2020, của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp đã quyết định: Về con chung giao 02 con chung Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006 và Phan Văn T, sinh ngày 28/9/2013 cho ông Phan Văn T nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con Phan Thị Như Y, sinh ngày

17/01/2006 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Phan Văn T đồng ý giao cháu Phan Thị Như Y cho bà nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống tạo dựng được: 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, mái lợp tôn diện tích 42,3m^2 nhà và 01 giếng nước đào sâu 10m , nhà và giếng làm năm 2009 nằm trên diện tích đất 173m^2 đã có Giấy CNQSDĐ số CO983430 do UBND huyện Đắk R'Lấp cấp ngày 21/01/2019, thửa số 325 tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ và 01 xe Ba gác tự chế, không có Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy có gắn BKS 60Y2 - 245 *(không phải do cơ quan Nhà nước cấp),* mua năm 2015. Nay yêu cầu Tòa án phân chia tài sản trên theo quy định của pháp luật. Đối với 01 lô đất rẫy tại thôn Q, xã N, huyện Đ diện tích 300m^2, hiện đã chuyển nhượng cho bà Chu Thị Y nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phan Văn T thừa nhận có ký giấy tờ vay Ngân hàng để mua xe Ba gác tự chế nhưng đã trả vào năm 2018, tuy nhiên ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, ông T cho rằng đã ủy quyền cho bà N vay và bà N phải có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ, đại diện theo ủy quyền ông Mai Văn N trình bày: Bà Chu Thị N và ông Phan Văn T có vay số tiền 50.000.000đồng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ, với mục đích làm ăn kinh tế gia đình. Ngày 10 tháng 3 năm 2021, Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ. Ngày 03 tháng 12 năm 2021, ông Mai Văn N đã có đơn rút yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Khoản 3 Điều Điều 59, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Chu Thị N với ông Phan Văn T sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do vậy bà Chu Thị N yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng tại Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Chu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006 và yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Do đó quan hệ pháp luật xác định *"Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; chia tài sản chung sau khi ly hôn"*

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N, HĐXX thấy:

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Chu Thị N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2020, ghi nhận ý kiến của cháu Phan Thị Như Y có nguyện vọng được ở với bà Chu Thị N. Ông Phan Văn T đồng ý với yêu cầu của bà N giao con Phan Thị Như Y, cho bà Chu Thị N nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng đối với cháu Phan Thị Như Y. HĐXX, xét thấy cần giao cháu Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006 cho bà Chu Thị N nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Y là phù hợp và có căn cứ.

Về tài sản chung: Bà Chu Thị N và ông Phan Văn T đều thừa nhận thời gian chung sống tạo dựng được tài sản gồm: 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, máy lợp tôn diện tích 42,3m^2 và 01 giếng nước đào sâu 10m *(nhà và giếng làm năm 2009)* nằm trên diện tích đất 173m^2 đã có Giấy CNQSDĐ số CO983430 tại thôn 2, xã Q, huyện Đ.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2021, ghi nhận thửa đất số 325, tờ bản đồ số 51 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO983430 do UBND huyện Đắk R'Lấp cấp ngày 21/01/2019, tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất 326 dài: 27,8m

Phía Tây giáp thửa đất 353*(của ông D)* dài: 29,85m

Phía Nam giáp đường đất của xóm rộng: 6,7m

Phía Bắc giáp ông T rộng: 6,1m.

Diện tích 175, 5m^2, tài sản trên đất có 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, máy lợp tôn, diện tích 42,3m^2 và 01 giếng nước đào sâu 10m, *(nhà và giếng làm năm 2009)*; Bơ: 02 cây trồng 03 năm kinh doanh loại B; Ổi: 01 cây; Nhãn; 01 cây trồng năm 2017 loại B *(đối với cây trồng bà N và ông T thỏa thuận không định giá)*; và 01 xe Ba gác BKS 60Y2 -245 nhãn hiệu Longcin 2009 *(mua năm 2015),* không có giấy đăng ký mô tô, xe máy (*có gắn biển kiểm soát 80Y2-2457, không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp*).

Tại chứng thư thẩm định giá ngày 16/6/2021 của Công ty TNHH thẩm định giá SAG ngày 16/6/2021 trị đất và tài sản gắn liền trên đất trị giá: 363.942.884 đồng; 01 chiếc xe Ba gác tự chế nhãn hiệu Longcin 2009 *(mua năm 2015)* có giá trị 10.475.000đồng. Tổng giá trị tài sản chung của bà Nhã, ông Tài là: 363.942.884 đồng + 10.475.000đồng = 373.417.884đồng.

HĐXX, xét thấy cần xác định công sức đóng góp của vợ chồng tạo dựng vào khối tài sản chung để phân chia *(Hiện tài sản trên ông Phan Văn T đang quản lý, sử dụng)* của bà Chu Thị N và ông Phan Văn T theo tỷ lệ 50/50 là phù

hợp. Quá trình giải quyết vụ án bà Chu Thị N có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản gồm:

Đất: 01 lô đất Giấy CNQSDĐ số CO983430, thửa số 325, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ do UBND huyện Đăk R'Lấp cấp ngày 21/01/2019, *(Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 175,5m),* tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất 326 dài: 27,8m; Phía Tây giáp đất 353*(của ông D)* dài: 29,85m; Phía Nam giáp đường đất của xóm rộng: 6,7m; Phía Bắc giáp đất ông T rộng: 6,1m.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, mái lợp tôn diện tích 42,3m^2 và 01 giếng nước đào sâu 10m, *(nhà và giếng làm năm 2009).*

Cây trồng: Bơ 02 cây trồng 03 năm kinh doanh loại B; Ổi 01 cây; Nhãn 01 cây trồng năm 2017 loại B

Tài sản khác gồm: 01 xe Ba gác tự chế nhãn hiệu Long cin 2009, không có không có Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy cho ông Tài quản lý, sử dụng.

Bà N yêu cầu ông Phan Văn T phải trích chia lại cho bà N50% giá trị tài sản chung, tương đương số tiền 373.417.884đồng:2 = 186.708.942 đồng *(làm tròn số 186.700.000đồng)*

Xét thấy hiện tại ông Phan Văn T đang là người sử dụng trực tiếp xe Ba gác làm phương tiện sinh sống chủ yếu và đang ở trên căn nhà trên diện tích đất nói trên để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phan Văn T, sinh ngày 28/9/2013, đồng thời bà N không có nhu cầu sử dụng đối với các tài sản nêu trên và có nguyện vọng giao lại cho ông T sử dụng, quản lý toàn bộ các tài sản trên là phù hợp nên cần chấp nhận. Ông T phải trích chia lại phần giá trị tài sản bà N được hưởng theo tỷ lệ công sức đóng góp 50/50 là có căn cứ.

Căn cứ Điều 33, điểm b, khoản 2 Điều 59, Điều 62, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu của bà Chu Thị N là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận là phù hợp.

Về nợ chung: Bà Chu Thị N và ông Phan Văn T đều xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Đắk R'Lấp số tiền 50.000.000đồng mục đích vay mua xe Ba gác tự chế. Tuy nhiên ông T cho rằng đã trả nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hiện tại bà Chu Thị N đang thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng vay, Hợp đồng tín dụng nêu trên chưa đến hạn trả nợ, ngày 03/12/2021, Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ rút đơn yêu cầu độc lập không yêu cầu giải quyết nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập trên là phù hợp.

Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. *Về án phí:* Bà Chu Thị N phải chịu án án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được chấp nhận; bà Chu Thị N và ông Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Điều 33, điểm b, khoản 2 Điều 59, Điều 62, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N.

2.1. Giao con chung, cháu Phan Thị Như Y, sinh ngày 17/01/2006, cho bà Chu Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.2. *Về chia tài sản chung:*

Giao cho ông Phan Văn T được quyền sử dụng đất đối với: 01 lô đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO983430, thửa số 325, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ, do UBND huyện Đăk R'Lấp cấp ngày 21/01/2019, *(theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp có diện tích 175,5m^2)*, tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất 326 dài: 27,8m

Phía Tây giáp thửa đất 353*(của ông Dũng)* dài: 29,85m

Phía Nam giáp đường đất của xóm rộng: 6,7m

Phía Bắc giáp đất ông T rộng: 6,1m.

Giao cho ông T được quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất**:** 01 căn nhà tạm, khung cột gỗ, nền xi măng, mái lợp tôn, diện tích 42,3m^2; 01 giếng nước đào sâu 10m, *(nhà và giếng làm năm 2009);* Bơ 02 cây, trồng 03 năm kinh doanh loại B; Ổi 01 cây; Nhãn 01 cây, trồng năm 2017 loại B.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Phan Văn T liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Giao cho ông T được quyền sở hữu**:** 01 chiếc xe Ba gác tự chế, nhãn hiệu Longcin năm 2009, không có Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy.

Ông Phan Văn T phải trả cho bà Chu Thị N số tiền 186.708.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng)*.

Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Chu Thị N phải chịu chi phí tố tụng 4.500.000đồng, được khấu trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 11.000.000đồng đã nộp tại Tòa án. Ông Phan Văn T phải trả lại cho bà Chu Thị N số tiền 4.500.000đồng chi phí tố tụng bà Chu Thị N đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

2. Về án phí: Bà Chu Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn 300.000đồng, và

9.335.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.800.000đồng *(Ba triệu tám trăm nghìn đồng)* bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 002897, ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp. Bà Chu Thị N phải tiếp tục nộp số tiền án phí 5.535.000đồng. Ông Phan Văn T phải chịu án phí DSST sơ thẩm đối với phần tài sản được chia 9.335.000đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CCTHADS huyện ĐắkR'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các thành viên **T.p Chủ tọa phiên tòa.**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CCTHADS huyện ĐắkR'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các thành viên **T.p Chủ tọa phiên tòa.**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk Som;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành